

EDWARD AMSTRONG BENNET

JUNG

ĐÃ THỰC SỰ NÓI GÌ ?

Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin - 2002
Trung Tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây

TaiLieu.vn

JUNG ĐÃ THỰC SỰ NÓI GÌ

BÙI LƯU PHI KHANH

dịch từ nguyên bản tiếng Anh:

WHAT JUNG REALLY SAID

NXB Mac Donald, London, 1966.

JUNG
ĐÃ THỰC SỰ NÓI GÌ

EDWARD AMSTRONG BENNET

JUNG
ĐÃ THỰC SỰ NÓI GÌ

BÙI LƯU PHI KHANH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN - 2002
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



CARL GUSTAV JUNG
(1875 - 1961)

LỜI GIỚI THIỆU*

ANTHONY STORR**

Carl Gustav Jung là một trong những nhà tâm lý học mà chúng ta đã từng được nghe tiếng, nhưng tác phẩm của ông còn quá xa lạ với chúng ta. Nếu lập hẳn một danh mục đi kèm các chỉ dẫn tổng quát những tác phẩm của Jung được kể ra thì bộ Toàn tập này sẽ bao gồm không dưới hai mươi tập sách lớn. Những người đọc thông thường muốn làm quen với những tư tưởng của Jung cảm thấy e ngại trước một khối lượng lớn tác phẩm như vậy, và cảm thấy cần có sự hướng dẫn nên bắt đầu từ đâu. Cuốn sách Jung đã thực sự nói gì đưa ra chỉ dẫn sâu sắc về những tư tưởng chính của Jung bằng một ngôn ngữ mà bất kì ai đều có thể hiểu được. Tác giả quá cố E.A. Bennet là bạn thân của Jung, thường đến thăm Jung và gia đình ông ở Zurich. Họ trao đổi ý kiến qua thư từ và những cuộc gặp gỡ cá nhân trong nhiều năm, do vậy những gì tiến sĩ Bennet nói ra đều có một độ xác thực cao hơn những giải thích khác về Jung và tác phẩm của ông.

Jung sinh năm 1875 và mất năm 1961. Nhiều tư tưởng của ông và cả một số những thuật ngữ do ông đặt ra đã được đưa vào tâm lý học mà không cần biết nguồn gốc của chúng. Jung là người đầu tiên áp dụng những tư tưởng phân tâm học

* Bài viết này người dịch bổ sung thêm.

** Anthony Storr là tác giả của những cuốn sách: *Jung* (1973), và *The Essential Jung* (1983).

vào việc nghiên cứu bệnh tâm thần phân liệt. Ông đưa ra những khái niệm hướng ngoại và hướng nội, và những thuật ngữ tổ hợp, cổ mẫu, cá nhân hóa và vô thức tập thể. Khái niệm của Jung về tâm thần như là một hệ thống tự điều chỉnh phù hợp với những tư tưởng của tâm lý học hiện đại trong sinh lý học và điều khiển học. Sự khẳng định của ông rằng con người cần tìm kiếm ý nghĩa trong cuộc đời mình cũng chính là sự dự báo quan điểm của những nhà hiện sinh. Nhưng tầm quan trọng của Jung có xu hướng bị đánh giá thấp và những người không gặp vấn đề gì khi đọc ông thường coi Jung như một nhà huyền bí biết nhìn xa trông rộng và những tác phẩm của ông do vậy nằm ngoài những nguyên tắc của tâm lý học thực nghiệm và nó có thể bị bỏ qua dễ dàng. Trên thực tế, thể hiện qua những công trình nghiên cứu ban đầu của ông, Jung có một sự hiểu biết sâu sắc các phương pháp khoa học; nhưng số lượng lớn tác phẩm của ông sau đó lại liên quan tới những lĩnh vực mà các phương pháp khoa học không thể áp dụng được. Ý nghĩa của cuộc sống tuy không thể định lượng được, nhưng điều này không làm giảm đi giá trị của sự tìm kiếm ý nghĩa của con người. Ngày nay, khi tất cả những phòng thí nghiệm trên khắp thế giới còn đang bị thống trị bởi cách tiếp cận thực nghiệm, thì sự khẳng định của Jung rằng những kinh nghiệm chủ quan của cá nhân con người là vô cùng quan trọng và là một đối trọng rất có giá trị. Jung tin rằng kiến thức về bản thân và sự phát triển bản thân cá nhân, cùng với khả năng tăng cường những mối liên hệ với các cá thể khác đi kèm với sự phát triển này là những yếu tố duy nhất đủ mạnh để chống lại sự thống trị tập thể của nhà nước. Đây là điều mà ông muốn nói đến khi tuyên bố rằng cá nhân là người chuyên chở văn hóa. Toàn thể sức mạnh sự phản tích của Jung là nhằm vào việc giúp đỡ cá nhân nhận thức được những khả năng tiềm tàng của bản thân mình, làm dễ dàng hóa việc anh ta trở thành bản thân

mình một cách xác thực hơn. Jung không quan tâm tới những gì được coi là bình thường theo thống kê chung hay là sự thích nghi với những yêu cầu của xã hội. Nhiều bệnh nhân được ông phân tích là những người thành công thật sự với những thành tựu đáng kể đằng sau họ, nhưng bản thân họ lại cảm thấy rằng những thành quả đó chỉ mang đến chút ít cảm nhận về sự đầy đủ. Với những bệnh nhân loại này, Jung không đưa ra những giải pháp cụ thể nào mà khuyến khích họ tự thăm dò thế giới bên trong của những giấc mơ và huyền tưởng. Bằng việc chú ý nghiêm túc đến những điều đang diễn ra bên trong, mỗi cá nhân có thể phát hiện ra những mặt bản chất của chính mình vốn bị bỏ qua hay bị che giấu, và do đó tìm lại được con đường phát triển xác thực của bản thân mình. Jung gọi tên quá trình tìm kiếm tinh xác thực cá nhân này là “quá trình cá nhân hóa”.

Tôi đã từng mô tả sự cá nhân hóa như là “quá trình của một người hành hương không có niềm tin, không hướng vào thiên đường, mà hướng vào sự hoà nhập và tổng thể”. Đối với Jung, phân tích là một quá trình tìm kiếm về mặt tinh thần, một cố gắng hết sức mạnh mẽ để đến được với bản thân mình, chấp nhận nó và trở thành, trong khả năng có thể, người mà anh ta dự định sẽ là. Nét tương tự giữa sự xem xét bản thân và những nghi thức bị ngăn cấm bởi những giáo lý tôn giáo là rõ ràng. Bản thân Jung là một tín đồ sâu sắc nhưng hết sức phi chính thống, ông đã làm “sốc” cả những nhà thần học Tin lành và Thiên chúa giáo. Quan điểm cá nhân của chính ông chỉ đạt được với cái giá là rất nhiều nỗi đau và sự chấn động tinh thần sâu sắc vào một thời điểm đe dọa nhấn chìm ông.

Jung sinh ra và lớn lên ở Thụy Sĩ. Phần lớn thời niên thiếu ông sống gần Basel, ở thành phố này, ông đi học từ năm lên bảy tuổi. Sau đó, ông nghiên cứu y học tại Đại học Basel. Cha của Jung là giáo sĩ, một mục sư trong nhà thờ Tin lành Thụy Sĩ và có sáu mục sư trong gia đình mẹ ông.

Từ buổi đầu, Jung đã được tiếp xúc với một khối lượng lớn những cuộc thảo luận và hoạt động tôn giáo. Nhưng như ông ghi trong tự truyện, ngay từ thời thiếu niên, ông đã có những nhận thức và những giấc mơ về một kiểu tôn giáo không phù hợp với giáo lí thông thường của nhà thờ. Những cố gắng để bày tỏ với cha mình sự nghi ngờ đó luôn luôn bị khước từ vì, mặc dù cha ông là một người tốt và luôn muốn giúp con, cha ông luôn hài lòng chấp nhận hệ thống niềm tin tôn giáo mà ông ta đã được giáo dục và không sẵn lòng xem xét lại bất kì thay đổi nào. Jung buộc phải giữ quan điểm không chính thống cho bản thân mình, nhưng vẫn duy trì niềm tin về tính đúng đắn trong cách nhìn của mình, bất chấp cảm giác xấu hổ và xa lạ với những đòi hỏi của gia đình.

Vào năm 1900, Jung bắt đầu sự nghiệp của mình trong lĩnh vực tâm thần học khi trở thành bác sĩ trợ lí cho Eugen Bleuler tại Bệnh viện tâm thần Burgholzli tại Zurich. Ông viết luận văn tiến sĩ y học và thực hiện rất nhiều công việc thực nghiệm với các bệnh nhân, sử dụng cái được gọi là những test liên tưởng từ. Bằng những test này, Jung có thể chỉ ra một cách khách quan những cá nhân bị ảnh hưởng bởi những nội dung tinh thần mà họ hoàn toàn không nhận thức được. Đây là sự chứng minh bằng thực nghiệm đầu tiên khái niệm đè nén của Freud. Vào năm 1907, Jung xuất bản một cuốn sách về tâm thần phân liệt trong đó nói nhiều đến các tư tưởng của Freud, và ông gửi nó cho Freud. Như tiến sĩ Bennet nhớ lại, chính cuốn sách đã dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa hai người. Sự hợp tác giữa họ kéo dài cho tới năm 1913.

Mặc dù Jung luôn thừa nhận mình mang ơn Freud, ông không bao giờ là người học trò không biết phê phán. Cần nhớ rằng Freud, làm việc tách biệt trong văn phòng của mình, không có những kinh nghiệm thực sự về những bệnh nhân loạn tâm, trong khi đó, mối quan tâm chính của Jung, khi ông làm việc tại Bệnh viện Burgholzli, lại là những ca bệnh

tâm thần phân liệt. Không ngạc nhiên gì khi hai người phát triển hai hình mẫu khác nhau của tinh thần. Jung ghi trong tự truyện rằng khi ông đang viết cuốn sách mà cuối cùng mang tên là Những biểu tượng của sự biến hóa, ông nhận ra rằng việc xuất bản nó sẽ phải trả giá bằng mối quan hệ của ông với Freud. Điều này đã được chứng minh là đúng. Sự chia tay giữa họ, mà có thể theo dõi thông qua những lá thư giữa Freud và Jung, thật cay đắng và đã làm cho Jung trải qua những chấn động tinh thần lớn khiến ông sợ rằng mình “bị đe dọa bởi chứng loạn tâm”.

Khi còn là một đứa trẻ, Jung chống lại những sự giáo điều của nhà thờ và cảm thấy cần phải tin tưởng rằng những quan điểm của mình là đúng. Vào thời trung niên, ông cảm thấy buộc phải chống lại những quan điểm giáo điều của Freud và giữ niềm tin về sự đúng đắn của những khái niệm tâm lý học của ông. Trong suốt những năm Đại chiến thế giới lần thứ nhất, Jung tham dự vào một quá trình tự phân tích bản thân mà ông gọi là “đương đầu với vô thức”. Ông thoát ra khỏi giai đoạn bão tố và căng thẳng này với một sức mạnh mới và niềm tin rằng, dù xảy ra điều gì đi chăng nữa, ông vẫn phải tin vào kinh nghiệm của bản thân mình và ghi nhớ những bằng chứng cho những nhận thức mà ông đạt được.

Như bản thân Jung khẳng định, nền tảng của những quan điểm đặc thù của ông nằm ở những tháng năm ông tự phân tích bản thân. Khi chia tay với Freud, Jung ba mươi tám tuổi. Sự khẳng định rằng giai đoạn trung niên là một bước chuyển trong sự phát triển tâm lý được bắt nguồn từ chính kinh nghiệm của bản thân ông. Vì vậy mà đóng góp chính của Jung đối với tâm lý học liên quan đến giai đoạn phát triển người lớn. Jung nhận thức rõ tầm quan trọng của buổi đầu thời niên thiếu trong việc quyết định nhân cách người lớn. Trong trường hợp những người trẻ tuổi mà vấn đề chính của họ là thất bại trong việc giải thoát khỏi gia đình,

Jung khuyên sự phân tích cần được thực hiện theo những cách do Freud và Adler xác lập. Nhưng những trường hợp thực sự là môi quan tâm của ông lại là những người mà ông có những đóng góp quan trọng, khi điều trị họ, đó là những người vào giai đoạn trung niên bắt đầu cảm thấy cuộc sống vô ích hay vô giá trị. Jung nói đến kiểu nhiều tâm này như là "sự bế tắc", với ý nghĩa là quá trình phát triển tự nhiên của một con người bị dừng lại. Theo quan điểm của Jung, triệu chứng của nhiều tâm thúc đẩy con người tìm kiếm sự phân tích thường là những chỉ báo có giá trị rằng họ đang đi lạc khỏi con đường phát triển đúng đắn của họ hơn là sự điên rồ cần phải loại bỏ bằng điều trị. Jung thỉnh thoảng nói "Cám ơn Chúa, anh ta đã bị nhiều tâm", ngụ ý rằng lo âu, trầm cảm và những triệu chứng khác của nỗi đau khổ tinh thần có thể được nhìn nhận như một tia sáng tích cực, như một công cụ chỉ báo chỉ ra cho anh ta rằng có một sự xem xét lại những giá trị của bản thân anh ta và lối sống đang được đặt ra một cách khẩn cấp. Nghiên cứu của Jung về những người thuộc loại này đã dẫn ông đến kết luận rằng "sự bế tắc" thường là kết quả của thái độ một mặt đối với cuộc sống đã làm tê liệt sự phát triển cá nhân. Người hướng ngoại có xu hướng hoàn toàn chỉ quan tâm đến thế giới bên ngoài, trong khi người hướng nội lại bỏ qua thế giới bên ngoài và thất bại trong việc thích nghi với nó. Nhiệm vụ của phân tích tâm lý là khôi phục lại sự cân bằng và do đó cho phép sự phát triển bình thường diễn ra.

Jung quan niệm tâm thần là một hệ thống tự điều chỉnh. Bằng việc thăm dò thế giới của những giấc mơ và huyền tưởng, bệnh nhân có thể tiếp cận được với vô thức, đang cố gắng bù trừ và sửa chữa thái độ ý thức một mặt của anh ta. Phân tích của Jung được hưởng nhiều tới tương lai hơn là quá khứ. Cách thức quan trọng nhất để tiếp cận với vô thức là phân tích giấc mơ. Quan điểm của Jung về giấc mơ rất khác

với quan điểm của Freud. Ông không chấp nhận quan điểm của Freud rằng những giấc mơ luôn luôn là một cách biểu hiện gián tiếp cho những ước muốn bị ngăn cấm. Jung coi giấc mơ như là những sự giao tiếp từ vô thức, được diễn tả thành ngôn ngữ biểu tượng, có thể khó hiểu nhưng không nhất thiết che giấu những cái không được chấp nhận. Thông thường những giấc mơ là sự bù trừ cho quan điểm ý thức; là sự thể hiện của những mặt của cá nhân bị bỏ qua hay không được nhận biết. Một số những giấc mơ đặc biệt ẩn tượng có ý nghĩa sâu, không thể giải thích được bằng những kinh nghiệm quá khứ của cá nhân, mà dường như đến từ một nguồn nằm ngoài phạm vi khả năng của cá nhân. Những giấc mơ như vậy biểu hiện những hình ảnh cổ mẫu có thể được thấy trong những huyền thoại và những câu chuyện cổ tích từ các nền văn hóa khác nhau trên khắp thế giới. Hiện tượng đó dẫn Jung đến giả thuyết về một mức độ sâu hơn của tâm trí, không thể chỉ là cá nhân, mà ông gọi là vô thức tập thể.

Như ông đã ghi trong tư truyện của mình, Jung bị ảnh hưởng sâu sắc bởi Kant và Schopenhauer, những tác giả mà ông đã đọc khi còn là một thanh niên. Jung đi đến tin là không gian và thời gian chỉ là những sự phân loại của con người áp đặt lên thực tế chứ không phản ánh chính xác chúng. Cũng tương tự như vậy là sự phân loại thành "vật chất" và "tinh thần". Một trong những người cộng tác của Jung là nhà vật lý nổi tiếng Wolfgang Pauli. Jung nghi là sự khám phá về vật chất của các nhà vật lý và điều tra về tâm thần của những nhà tâm lý có lẽ trên thực tế chỉ là những cách tiếp cận khác nhau với cùng một thực tế. Có lẽ tâm trí và thế xác chỉ là những sự phân chia nhân tạo, là những mặt khác nhau của một thực tế duy nhất được nhận thức thông qua những khuôn khổ liên hệ khác nhau. Niềm tin của Jung vào sự thống nhất tuyệt đối của tất cả sự tồn tại là một yếu tố quyết định quan trọng trong tư tưởng của ông.

Dù mọi người có chia sẻ niềm tin cơ bản của Jung hay không, không thể nghi ngờ tầm quan trọng của nhiều đóng góp của ông cho việc nghiên cứu tâm trí. Sự nhấn mạnh của ông vào những khía cạnh tinh thần của bản chất con người tạo nên một sự tương phản cần thiết với sự nhấn mạnh của Freud vào thể xác. Sự khẳng định của Jung về tầm quan trọng của sự tự nhận thức bản thân như là một mục tiêu và niềm tin chắc chắn rằng những thành tựu lớn nhất của nhân loại luôn là những thành quả cá nhân, thách thức những hệ thống xã hội và chính trị đề cao nhà nước nhưng lại trả giá bằng những sinh mạng cá nhân. Cuốn sách của tiến sĩ Bennet sẽ tiếp tục cung cấp một sự chỉ dẫn có giá trị bằng cách giới thiệu rộng rãi tư tưởng của Jung tới số đông độc giả.

LỜI NÓI ĐẦU

Những đóng góp của C.G. Jung cho tâm lí học và tâm thần học tạo thành một dòng chảy khá mạnh mẽ trong suốt gần sáu mươi năm, tức là từ tác phẩm đầu tiên của ông năm 1902 đến năm 1961, năm ông mất. Một bản in đầy đủ bộ Toàn tập các tác phẩm bằng tiếng Anh của ông đang trong quá trình ấn hành^(). Jung có một trí tuệ uyên bác và đầy sáng tạo nên ngay từ tác phẩm đầu tiên của mình ông đã thu hút được sự chú ý. Mối quan tâm đặc biệt của ông là sự thích nghi hàng ngày của cá nhân với những người khác. Mối liên hệ tự nhiên và lành mạnh giữa những con người với nhau này không đơn giản như nó được nhìn thấy; thường là không thể nhận thấy được sự liên hệ với những người khác ở các bệnh nhân, những người mà tâm trí của họ bị rối loạn.*

Khi những tác phẩm của ông đạt đến độ chín, ông nhận thấy rằng tâm trí, giống như cơ thể, ngoài những đặc điểm cá nhân, còn có những nội dung tập thể, mà theo Jung, “kì lạ không chỉ đối với một cá nhân, mà đồng thời cho tất cả. nghĩa là cho một xã hội, một con người, hay cho tất cả nhân loại nói chung”^(). Chính điều này đã mở ra một lĩnh vực nghiên cứu mới và gây ra nhiều tranh luận. Chắc chắn đây*

^(*) Lời nói đầu này được viết cho lần xuất bản đầu tiên tác phẩm Jung đã thực sự nói gì của TS. E.A. Bennet năm 1966, khi bộ Toàn tập của Jung đang trong quá trình ấn hành. Sau đó bộ Toàn tập đã ra mắt bạn đọc và được tái bản nhiều lần bằng nhiều thứ tiếng khác nhau.

là một giả thuyết táo bạo; nhưng Jung cho rằng không thể có những bước tiến về tri thức nào mà lại không có những giả thuyết và ông không cố gắng chứng minh những lí thuyết do ông đề xuất trước khi áp dụng nó về mặt thực nghiệm để giải thích những vấn đề mà ông gặp khi điều trị bệnh nhân của mình. Môi quan tâm của ông là phát hiện tất cả những gì có thể về sự hoạt động của đời sống ý thức và từ đó hiểu về những phần của tâm trí con người mà chúng ta chỉ biết được bằng cách suy luận - tức là vô thức.

Đối với Jung, những triệu chứng của các bệnh tâm thần chỉ là những dấu hiệu đơn giản của sự hoạt động bình thường bị rối loạn. Do đó ông quan tâm nhiều đến những yếu tố lành mạnh hơn là những yếu tố không lành mạnh trong nhân cách. Những triệu chứng, những ý nghĩ có thể là đau khổ, thường là những nỗ lực của tự nhiên để cứu chữa, để khôi phục lại sự hoạt động bình thường của tâm trí. Nhưng còn cái gì là bình thường, tức là những biểu hiện trung bình? Đây là cả một vấn đề. Trong số rất nhiều những dấu hiệu và những triệu chứng khó hiểu của sự đau yếu tâm thần, Jung, không có bất kì định kiến gì, đặt mục tiêu cho bản thân mình tìm hiểu bằng được và có thể loại bỏ một số sự khó hiểu này. Sau đó, ông hiểu rằng, bên cạnh những yếu tố liên quan đến sự bất lực cá nhân của các bệnh nhân, có thể là cần thiết phải giải thích những rối loạn tổng quát hơn, chẳng hạn như xảy ra trong một cuộc khủng hoảng kinh tế, hay một cuộc chiến tranh, quét qua một dân tộc như một căn bệnh lây truyền. Nói theo cách khác, Jung xem xét các bệnh nhân của mình không chỉ là một cá nhân cô lập, mà còn là một cá nhân trong một cộng đồng.

Jung là một trong số một nhóm nhỏ các bác sĩ, trong những năm tháng đầu tiên của thế kỉ, bắt đầu quan tâm đến việc tìm hiểu nhiều hơn về tâm trí. Có nhiều điều đã được viết về chủ nghĩa duy linh, về nghiên cứu tâm thần, và những chủ đề tương tự. Nhưng không có những thông tin xác thực. Một cơ hội lí tưởng khám phá lĩnh vực này là thông qua tìm hiểu

bệnh tâm thần, về ý nghĩa, nguyên nhân và cách thức chữa trị nó. Có nhiều việc đã được làm để cải thiện tình trạng của nhiều người bị điên ở đất nước của ông, ở Pháp và Đức, chủ yếu là giúp cho họ có được những điều kiện sống và sự chăm sóc tốt hơn. Nhưng không có một sự tiến bộ nào, dù rất nhỏ, được ghi nhận trong sự hiểu biết chính bản thân tâm trí. Các bác sĩ thường có khuynh hướng chấp nhận một thực tế có hữu là ngoài sự chăm sóc của bệnh viện, chỉ có ít hoặc không có gì có thể làm được cho những người "bị tâm thần" cả. Thái độ bỏ mặc (*laissez-faire*) như vậy không hề hấp dẫn Jung, người muốn hiểu "những gì xâm nhập vào tâm trí" khi ông mô tả những nỗi sợ, những ý nghĩ sai lạc, sự nhìn nhận lệch lạc về cuộc sống, là những thứ có thể huỷ hoại hạnh phúc cá nhân cũng như gia đình và làm hỏng rất nhiều cuộc đời.

Tâm lí học, sinh lí học và dược học ngày nay được kết hợp trong việc điều trị bệnh tâm thần chặt chẽ tới một mức độ chưa từng được nghe đến trong thế kỉ mười chín. Kể từ khi việc nghiên cứu tâm trí được tiến hành nghiêm túc, vấn đề đối tượng của tâm lí học được mở rộng, và những ảnh hưởng của nó cũng lan toả, đến mức ngày nay tất cả mọi người đều quan tâm đến tâm lí học theo một hình thức này hay hình thức khác. Nó được nói đến trong những cuộc trao đổi, những bài báo, và trong văn học nói chung. Không cần nỗ lực gì chúng ta cũng có thể tiếp nhận dễ dàng những thuật ngữ như hướng nội, hướng ngoại, tổ hợp. Nhưng chúng không hề được biết đến trong tâm lí học cho đến khi Jung đưa ra những thuật ngữ đó. Chúng mô tả những đặc điểm trong bản chất con người, những kiến thức về chúng thường là điều dĩ nhiên đối với những người dân thường, dường như đó luôn luôn là một phần nằm trong những phẩm chất tự nhiên của chúng ta.

Ngoài kiến thức về y học, Jung còn là một học giả có điển - ông đọc tiếng Latinh và tiếng Hi Lạp cũng dễ dàng như tiếng mẹ đẻ vậy - và đồng thời cũng là một nhà ngôn ngữ học giỏi. Những kiến thức này tự bản thân chúng chỉ có ý nghĩa

rất ít đôi với Jung. Ông có nhiều năng khiếu tự nhiên, một tác phong tự nhiên, thoải mái, cộng với một khiếu khôi hài tinh tế kết hợp với một sự quan tâm thực sự về những gì mà người khác nói - dành cho những người có những điều muốn nói nhưng không muốn gặp mặt ông chỉ bởi vì ông quá nổi tiếng. Ông không thích sự nịnh hót hay sự quảng bá, ông chỉ muốn là mình mà thôi.

Không một ai lại coi Jung là một người viết bình dân và một số tác phẩm của ông được tiếp nhận một cách khó khăn. Liệu điều đó có thể khác đi được không? Ông không có thói quen tự thể hiện mình sao cho phù hợp với những mong chờ của chúng ta. Jung tránh những kết luận tiên quyết và những tuyên bố giáo điều, và ông không bao giờ muốn xây dựng một hệ thống khép kín hoàn toàn, trong đó mọi thứ đều phù hợp với nhau đến mức hoàn hảo. Biết rất rõ về tính chất phức tạp và sự khó khăn của tâm trí con người, Jung luôn luôn duy trì cách nhìn nhận của một người tiên phong và không bao giờ muốn tuyên bố những quy luật hay giá trị tổng quát những quan điểm của mình. Trong khi luôn luôn sẵn sàng xem xét lại những quan điểm của mình nếu như thấy có lí do đủ để làm điều đó, ông không bao giờ làm một việc gì hấp tấp mà luôn dè dặt khi đưa ra những nhận xét của mình. Thường thì những quan điểm của ông bị hiểu sai - như thường xảy ra với tất cả những nhà tư tưởng lớn khác - và ông có những người chỉ trích mình, những người không đồng ý hay khẳng định cần phải nhìn nhận cuộc sống theo một góc độ khác. Điều này khiến cho việc hiểu những gì Jung thực sự nói về những vấn đề chính yếu trong tâm lí học hiện đại càng trở nên quan trọng.

CHƯƠNG I

NHỮNG GIAI ĐOẠN TRONG SỰ NGHIỆP CỦA JUNG

ĐẠI HỌC BASEL

Jung, sinh năm 1875, sống toàn bộ cuộc đời mình ở Thụy Sĩ. Cha của ông, một mục sư theo đạo Tin lành, làm việc trong nhà thờ tại Rhine Fall gần Schaffhausen. Sau đó gia đình ông chuyển đến sống ở Basel cho đến năm 1895 khi ông trở thành sinh viên y khoa của Trường Đại học Basel. Khi kì thi cuối cùng kết thúc, Jung muốn chuyên nghiên cứu nhưng đã xem xét lại những khả năng của bản thân, cuối cùng không đi tới quyết định nào. Phẫu thuật thu hút ông, nhưng điều này là không thể, bởi vì đó là công việc yêu cầu được học nâng cao nhiều sau đại học và điều đó nằm ngoài khả năng của cha ông. Jung phải kiếm tiền ngay khi có thể và dường như một vị trí ở bệnh viện đa khoa sẽ là bước đầu trong sự nghiệp y học của ông. Tuy vậy, sự việc lại tiến triển khác hẳn. Một sự kiện hoàn toàn bình thường đã dẫn ông đi theo một con đường khác.

Khi còn là sinh viên, Jung được những đứa trẻ con họ hàng mời tham dự một trò chơi xung quanh bàn mà chúng rất thích thú. Một thành viên trong nhóm là một cô gái mười lăm tuổi lên đồng và thay vào thứ tiếng Đức - Thụy Sĩ thông thường, cô ta lại nói một thứ tiếng Đức văn chương. Bình thường rất rụt rè và mệt mỏi, cô ta bỗng trở nên tự tin và chững chạc hẳn. Jung rất ngạc nhiên. Jung biết khá rõ về cô gái, nhưng trước đó chưa bao giờ được chứng kiến cô gái ở trong trạng thái như vậy. Những người bạn của cô ta hoàn toàn không quan tâm tới những lời nói và hành vi của cô ta, thậm chí họ cũng không tò mò tìm hiểu tại sao. Họ chấp nhận tất cả chúng như một trò chơi bình thường. Jung không vậy. Jung cảm thấy khá ngạc nhiên. Ở đây có một cái gì đó kì lạ, mặc dù không phải là một người thông minh ở cái tuổi mười lăm, đột nhiên, trong lúc lên đồng, cô gái này đã biểu lộ tác phong và lối giao tiếp của một cô gái có giáo dục. Jung muốn hiểu những điều rất hấp dẫn, rất khác biệt so với những cái mà ông đã thấy trước đó. Những gì mà cha mẹ ông và những người khác chấp nhận như một sự giải thích lại làm ông ngạc nhiên cao độ. Jung bắt đầu tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi khó khăn này một cách có hệ thống bằng cách ghi nhật kí chi tiết những buổi lên đồng, và ông cũng ghi chép cẩn thận nhân cách và hành vi của cô gái trong những lúc bình thường. Những ghi chép này đã tạo ra một khối lượng khổng lồ những vấn đề tâm lí mà vào thời đó ông không thể hiểu được. Trong khi tìm cách giải thích những hành vi của cô gái, Jung đã tìm kiếm trong tuyệt vọng những tài liệu về chủ nghĩa duy linh.

Những giáo viên của Jung lúc đó tại trường đại học đã tỏ ra không quan tâm gì đến những biểu hiện kì lạ của cô gái và nghĩ rằng ông đã quá lãng phí thời gian vào những vấn đề vô nghĩa như vậy. Jung không chấp nhận ý kiến này, và đã mở rộng việc đọc của mình trong “một phạm vi rộng lớn về sự yếu ớt của các bệnh thái nhân cách tâm lý”, bao gồm bệnh động kinh, hysteria, và suy nhược thần kinh; và ở đó Jung đã phát hiện ra những bài báo viết về những tình trạng hiếm có của ý thức như sự mộng du và nằm bệnh, một vài vấn đề có liên quan; và Jung sử dụng chúng, cùng với những ghi chép tỉ mỉ của mình về tình trạng của cô gái làm cơ sở cho luận án tốt nghiệp đại học y của mình. Nó được xuất bản năm 1902 và được in trong *Toàn tập* bằng tiếng Anh với tiêu đề *Về tâm lý học và bệnh lý học của những hiện tượng được gọi là kì lạ*.⁽²⁾

Là một sinh viên năm cuối, Jung tham gia vào những bài giảng thường nhật, không thú vị lắm về tâm thần học, và đến những bệnh viện tâm thần, nơi ông có thể nhìn thấy một số ít bệnh nhân đau khổ đang chịu đựng những hình thức thông thường hơn của bệnh điên. Tâm thần học ngày ấy “thường bị coi rẻ”, Jung viết: “Không một ai thực sự biết một chút gì về các bệnh ấy cả, và không có tâm lý học coi con người như là một tổng thể và xem xét những biến đổi bệnh lý của họ trong một bức tranh toàn thể. Giám đốc cũng bị giam hãm trong một tổ chức như vậy với những bệnh nhân của mình và tổ chức này cũng bị chia cắt, cô lập ở ngoại ô thành phố giống như một trại cách li những bệnh nhân phong. Không một ai muốn